

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo 2

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Công nghệ Thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị

định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1a như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được xác định theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.”.

b) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Hành vi bị coi là xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam.”.

2. Sửa đổi bổ sung một số điểm, khoản Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 3 như sau:

“c) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.”.

b) Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c khoản 3 Điều 3 như sau:

“b) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa và với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và hàng hoá đó có giá trị sử dụng, không gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa;”.

c) Bổ sung điểm k khoản 3 Điều 3 như sau:

“k) Buộc tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm triền hồi hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đã được đưa vào kênh phân phối của tổ chức, cá nhân đó để áp dụng một trong các biện pháp phân phối hoặc

đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại, tiêu hủy hoặc biện pháp khác theo quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1:

“c) Nhận chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mà không thông qua hình thức hợp đồng bằng văn bản, chỉ dẫn sai hoặc không ghi chỉ dẫn về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, phương tiện kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và hành vi chỉ dẫn sai về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 7 như sau:

a) Bổ sung điểm đ và e khoản 1 như sau:

“đ) Lừa dối hoặc ép buộc khách hàng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

e) Không thông báo rõ các khoản, các mức phí và lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho khách hàng trước khi cung cấp dịch vụ.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Không thông báo, cung cấp nội dung yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp trong thời hạn được yêu cầu cho bên ủy quyền đại diện.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Kinh doanh, hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp khi không đáp ứng điều kiện kinh doanh, hành nghề theo quy định pháp luật.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với cá nhân hoặc đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với tổ chức từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g, i khoản 2 và khoản 4 Điều này kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.”.

đ) Bổ sung, bổ sung khoản 6 như sau:

“Buộc nộp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp chứng chỉ đó đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

“4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm đã bị thay đổi số lượng, chủng loại, tẩu tán hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm Điều 12 như sau:

a) Bổ sung điểm b khoản 13 Điều 12 như sau:

“b) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, người được phân phối, tiếp nhận để sử dụng không phải là khách hàng tiềm năng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và hàng hoá đó có giá trị sử dụng, không gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, môi trường đối với hành vi vi phạm quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều này, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a hoặc điểm c khoản này;”.

b) Bổ sung điểm c khoản 13 Điều 12 như sau:

“c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa đối với hành vi nhập khẩu quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều này;”.

c) Bổ sung điểm đ khoản 13 Điều 12 như sau:

“đ) Buộc triệu hồi hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đã được đưa vào kênh phân phối của tổ chức, cá nhân vi phạm để áp dụng một trong các biện pháp phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại, tiêu hủy hoặc biện pháp khác theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định từ

khoản 1 đến khoản 11 Điều này trong trường hợp có yêu cầu của chủ thể quyền.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 16 Điều 14 như sau:

“a) Chiếm hữu, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng với dụng ý xấu, lợi dụng danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng nhằm thu lợi bất chính.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội, hành vi vi phạm liên quan đến hàng hóa, tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo có quyền thông báo và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục xác minh, xử phạt vi phạm; tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp gây ra có quyền kiến nghị tới cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục xác minh, xử phạt vi phạm.

Khi nhận được thông báo của tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản này, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có trách nhiệm kiểm tra và phối hợp với chủ thể quyền sở hữu công nghiệp xác minh, xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều này.”.

Điều 2. Bãi bỏ cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ

1. Bãi bỏ quy định khoản 3 Điều 4, điểm h khoản 2 Điều 7, điểm c khoản 15 Điều 10, điểm c khoản 17 Điều 11, khoản 5 Điều 20.

2. Bãi bỏ cụm từ “kể cả quá cảnh” tại điểm a khoản 1 Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 1 Điều 14.

3. Bãi bỏ cụm từ “quá cảnh” tại khoản 4 Điều 15.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2023.

2. Quy định chuyển tiếp:

Đối với hành vi vi phạm hành chính lĩnh vực sở hữu công nghiệp xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực, sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết mà Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng các quy định của Nghị định này.

Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**TM. CHÍNHPHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính